TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** _____

Bản án số: 11/2022/HNGĐ- ST.
Ngày: 24/01/2022.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Tiến Tám;

2. Ông Kim Khánh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Lường Văn Đoản - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 24/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2021/TLST – HNGĐ ngày 08/7/2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX - ST ngày 08/01/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị H, sinh năm 1992; "có mặt".

Địa chỉ: Bản N T, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Lò Đức T - Sinh năm 1993."có mặt".

Nơi ĐKHKTT: Bản Pá Kín 2, xã N T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Nơi làm việc: Công ty cổ phần xi măng Điện Biên – Địa chỉ: Bản Na Thìn, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lò Văn Phong, SN 1970;

Địa chỉ: Bản Pá Kín 2, xã N T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. "có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 08/7/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Lường Thị H (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Tiện lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên từ ngày 26/8/2015. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tôi và anh Tiện bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi cọ, đời sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không thể hàn gắn được. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tiện.

Về con chung: Chị Hiên khai vợ chồng có 01 con chung là cháu Lò Trí Cường, sinh ngày 08/01/2016.

Chị Hiên có nguyện vọng muốn được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu anh Tiện phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án (bị đơn) anh Lò Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô Hiên lấy nhau đều tự nguyện, không ai bị ép buộc có đăng ký kết hôn từ ngày 26/8/2015 tại UBND xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 27/7/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cô Hiên đi làm thuê ở Hà Nội, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hai người đã sống ly thân từ năm 2019. Nay cô Hiên đã xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn vì tôi thương con. Nếu cô Hiên nhất quyết ly hôn thì cho tôi nuôi con thì tôi mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Tiện công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lò Trí Cường, sinh ngày 08/01/2016. Anh Tiện có nguyện vọng muốn được nuôi con.

Về cấp dưỡng: Anh Tiện không yêu cầu chị Hiên phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản:- Tài sản riêng, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Tại phiên tòa anh Tiện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ phải trả: Còn nợ tiền lãi ngân hàng phải trả cho ông Lò Văn Phong, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 02/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) ông Lò Văn Phong trình bày:

Tôi vay tiền ngân hàng xin việc làm cho con dâu là Lường Thị H (vợ của Lò Đức T) số tiền là 45.000.000đ với lãi suất là 0,75%/tháng, trong thời gian là 22 tháng là 7.425.000đ (Bảy triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Số tiền gốc 45.000.000đ đã trả nhưng số tiền lãi 7.425.000đ chưa trả cho tôi, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi.

Án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Hiên, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn; tranh chấp về nuôi con.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hiên xin ly hôn với anh Tiện, anh Tiện có hộ khẩu thường trú tại xã N T, huyện Đ B, tỉnh Điện, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Hiên và anh Tiện kết hôn năm 2015, đến năm 2021 thì chị Hiên khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tiện và chị Hiên lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau và dẫn đến hai người sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Tiện và chị Hiên đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Hiên xác định tình cảm của mình đối với anh Tiện không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị Hiên vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tiện. Chị Hiên xin ly hôn là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ý kiến của anh Tiện không đồng ý ly hôn vì thương con, nhưng cũng thừa nhận là vợ chồng tính tình không hợp nhau và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và không chấp nhận ý kiến của anh Tiện.

[5]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, chị Hiên có nguyện vọng được nuôi con chung, do hiện tại con còn nhỏ và từ khi sinh ra cháu vẫn ở với mẹ cùng bà ngoại vì hai vợ chồng lấy nhau không tổ chức đám cưới vì bố mẹ anh Tiện không đồng ý cho anh Tiện lấy chị Hiên, nên sau khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng ở chung nhà với mẹ chị Hiên ở bản N T, xã P L, huyện Đ B.

Anh Tiện cũng có nguyện vọng muốn được nuôi con vì lý do là bên gia đình cô Hiên có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, không đủ điều kiện thuận lợi cho cháu tham gia học tập và cháu chỉ thích ở với anh Tiện.

Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên. Việc giao con cho ai trực tiếp chăm sóc, giáo dục phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện nay anh Tiện đang đi làm ở công ty xi măng Điện Biên có thu nhập ổn định mỗi tháng hơn 6.000.000đ và có khả năng nuôi con nhưng không có nhà ở và phải thuê nhà ở. Còn chị Hiên thì có nhà ở của mẹ đẻ và con còn nhỏ cũng ở cùng bà ngoại từ trước cho đến nay, chị Hiên là giáo viên có thu nhập ổn định mỗi tháng hơn 8.000.000đ và có khả năng nuôi con.

Còn cháu nhỏ Lò Trí Cường, sinh ngày 08/01/2016 chưa đủ bảy tuổi nên cháu chưa có ý kiến để quyết định được muốn ở với bố hay muốn ở với mẹ. Do vậy, HĐXX thấy việc giao con chung cho chị Hiên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Để đảm bảo quyền lợi và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của trẻ em. Căn cứ vào Khoản 2

Điều 81 Luật HN&GĐ nên HĐXX Chấp nhận yêu cầu của chị Hiên, giao con chung là cháu Lò Trí Cường cho chị Hiên trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hiên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, anh Tiện có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung là 700.000đ/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy anh Tiện hiện tại đang có sức khỏe tốt và có thu nhập ổn định mỗi tháng hơn 6.000.000đ nên anh Tiện phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Hiên mỗi tháng 1.000.000đ/tháng là phù hợp hơn.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, diện tích ruộng nương, nợ lấy về: Không yêu cầu giải quyết.

[6.2]. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6.3]. Nợ phải trả: Hai vợ chồng Lường Thị H và Lò Đức T trong thời gian là vợ chồng có vay tiền ông Phong 45.000.000đ, tiền gốc đã trả cho ông Phong còn tiền lãi 7.425.000đ cần chia đôi mỗi người phải chịu ½ là 7.425.000đ : 2= 3.712.500đ (Ba triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) chị Hiên và anh Tiện phải có nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5, Điểm a, đ Khoản 6, Điểm b Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lường Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300. 000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0000937 ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, chị Hiên còn phải chịu 300.000đ án phí DSST có giá ngạch.

Anh Tiện phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và 300.000đ án phí DSST có giá ngạch.

Ông Phong không phải chịu án phí DSST, nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 371.250đ (ba trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

- Áp dụng: Các Điều 37, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

1- Tuyên xử: Cho chị Lường Thị H được ly hôn với anh Lò Đức T.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Hiên, giao con chung là cháu Lò Trí Cường, sinh ngày 08/01/2016 cho chị Hiên trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Anh Tiện mỗi tháng phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/02/2022.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4- Nợ phải trả: Chị Lường Thị H và anh Lò Đức T mỗi người phải trả cho ông Lò Văn Phong số tiền là 3.712.500đ (Ba triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

5- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5, Điểm a, đ Khoản 6, Điểm b Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chị Lường Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300. 000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0000937 ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên chị Hiên đã nộp đủ án phí DSST; chị Hiên còn phải chịu 300.000đ án phí DSST có giá ngạch.

- Anh Tiện phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và 300.000đ án phí DSST có giá ngạch.

- Ông Phong không phải chịu án phí DSST, nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 371.250đ (ba trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai số: 0004847 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

6- Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ điều 26 Luật thi hành án dân sự: "Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS huyện Đ B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã P L, HĐB;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Nguyễn Quang Khải	Lường Văn Lương	Nguyễn Thị Tâm

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS huyện Đ B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Yên, HĐB;
- Lưu.

Lường Văn Lương